

Số: 715 /TB-CSTB

Tây Ninh, ngày 21 tháng 06 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc chào giá lựa chọn đối tác trồng xen canh trên vườn cây cao su KTCB tại Công ty CP cao su Tân Biên

1. Tên địa chỉ tổ chức thông báo: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh)

2. Quy mô, địa điểm

2.1. Quy mô

- Tổng diện tích vườn cây cao su kiến thiết cơ bản (KTCB) cho trồng xen canh cây ngắn ngày: 635,50 ha. Trong đó:

- | | |
|--|------------|
| - Vườn cây cao su tái canh năm 2024 (KTCB năm thứ 1) | 107,80 ha; |
| - Vườn cây KTCB năm thứ 2: | 401,58 ha. |
| - Vườn cây KTCB năm thứ 3: | 126,12 ha. |

2.2. Địa điểm thực hiện: tại Nông trường cao su Xa Mát; Tân Hiệp, Bồ Túc, và Nông trường Suối Ngô trực thuộc Công ty CP cao su Tân Biên.

2.3. Chất lượng diện tích đất trồng xen canh: Đất trống trong luống cao su (giữa 2 hàng cao su) chưa được cày.

3. Quy định về loại cây trồng xen canh cây ngắn ngày, thời gian trồng xen canh

3.1. Quy định về loại cây trồng

Khách hàng tham gia chào giá phải tuân thủ, chấp hành đúng quy định về loại cây được trồng xen canh trên diện tích vườn cây cao su KTCB của Công ty, cụ thể như sau:

- Đối với vườn cây cao su tái canh năm 2024 (KTCB năm thứ 1): Các loại cây được trồng xen gồm: Dưa hấu, mè, các loại đậu: đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen, đậu phộng.

Không được trồng xen canh các loại cây gồm: lúa, bắp, bí đỏ, và cây trồng có giàn leo. Trường hợp nếu trồng cây ớt, cà các loại thì phải trồng luống cách luống và đảm bảo cách gốc cao su 1,5m, không tạo rãnh sâu > 20cm (cách gốc cây cao su).

- Đối với vườn cây KTCB năm 2 và thứ 3: Các loại cây được trồng xen gồm: Dưa hấu, bí đỏ, bầu bò đất, mè, các loại đậu: đậu xanh, đậu đỏ, đậu đen, đậu phộng.

3.2. Quy định về khoảng cách trồng xen:

Đất trồng xen là đất trống trong luống cao su (giữa 2 hàng cao su), cách gốc cao su tối thiểu 1,2m đối với vườn cây KTCB năm thứ 1 và KTCB năm thứ 2; tối thiểu 1,5m đối với vườn cây KTCB năm 3 trở đi).

3.3. Thời gian trồng xen canh cây ngắn ngày: 03 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao lô trồng xen.

4. Yêu cầu về cam kết của khách hàng tham gia chào giá trồng xen

STT	Tên gói trồng xen	Tên lô	Năm trồng	Diện tích trồng xen cây ngắn ngày (ha)			Tiền đặt trước = (20% x Giá trị khởi điểm) (đồng)
				Diện tích	Đơn giá khởi điểm bao gồm thuế VAT (đồng/ha)	Giá trị khởi điểm (đồng)	
I	XA MÁT			81,69		133.817.750	26.764.000
			2024	16,01		29.058.150	5.812.000
1	Gói XM số 1	P9	2024	16,01	1.815.000	29.058.150	5.812.000
			2023	65,68		104.759.600	20.952.000
2	Gói XM số 2	K3	2023	14,94	1.595.000	23.829.300	4.766.000
3	Gói XM số 3	Q6	2023	25,27	1.595.000	40.305.650	8.061.000
4	Gói XM số 4	Q7	2023	25,47	1.595.000	40.624.650	8.125.000
II	TÂN HIỆP			125,13	-	333.026.100	66.606.000
			2024	41,23	-	124.720.750	24.945.000
1	Gói TH số 1	P28	2024	21,30	3.025.000	64.432.500	12.887.000
2	Gói TH số 2	P29	2024	19,93	3.025.000	60.288.250	12.058.000
			2023	59,89	-	151.521.700	30.304.000
3	Gói TH số 3	O28	2023	14,14	2.530.000	35.774.200	7.155.000
4	Gói TH số 4	O29	2023	12,89	2.530.000	32.611.700	6.522.000
5	Gói TH số 5	O30	2023	25,48	2.530.000	64.464.400	12.893.000
6	Gói TH số 6	P33	2023	5,40	2.530.000	13.662.000	2.732.000
7	Gói TH số 7	T40	2023	1,98	2.530.000	5.009.400	1.002.000
			2022	24,01	-	56.783.650	11.357.000
8	Gói TH số 8	P31	2022	24,01	2.365.000	56.783.650	11.357.000
III	BỒ TÚC			205,32	-	415.820.900	83.162.000
			2024	18,64	-	47.159.200	9.431.000
1	Gói BT số 1	H64	2024	9,08	2.530.000	22.972.400	4.594.000
2	Gói BT số 2	12	2024	9,56	2.530.000	24.186.800	4.837.000
			2023	84,57	-	172.099.950	34.419.000
3	Gói BT số 3	8	2023	20,32	2.035.000	41.351.200	8.270.000
4	Gói BT số 4	G60	2023	8,48	2.035.000	17.256.800	3.451.000
5	Gói BT số 5	G61	2023	5,93	2.035.000	12.067.550	2.414.000
6	Gói BT số 6	K64	2023	11,97	2.035.000	24.358.950	4.872.000
7	Gói BT số 7	K65	2023	14,07	2.035.000	28.632.450	5.726.000
8	Gói BT số 8	H66	2023	19,75	2.035.000	40.191.250	8.038.000
9	Gói BT số 9	H67	2023	4,05	2.035.000	8.241.750	1.648.000
			2022	102,11	-	196.561.750	39.312.000
10	Gói BT số 10	11	2022	14,75	1.925.000	28.393.750	5.679.000
11	Gói BT số 11	16	2022	12,67	1.925.000	24.389.750	4.878.000
12	Gói BT số 12	17	2022	24,94	1.925.000	48.009.500	9.602.000
13	Gói BT số 13	G59	2022	25,57	1.925.000	49.222.250	9.844.000
14	Gói BT số 14	G60	2022	17,45	1.925.000	33.591.250	6.718.000
15	Gói BT số 15	L73	2022	6,73	1.925.000	12.955.250	2.591.000
IV	SUỐI NGỒ			223,36	-	470.325.350	94.065.000
			2024	31,92	-	80.744.950	16.149.000

STT	Tên gói trồng xen	Tên lô	Năm trồng	Diện tích trồng xen cây ngắn ngày (ha)			Tiền đặt trước =(20% x Giá trị khởi điểm) (đồng)
				Diện tích	Đơn giá khởi điểm bao gồm thuế VAT (đồng/ha)	Giá trị khởi điểm (đồng)	
1	Gói SN số 1	N87	2024	21,17	2.530.000	53.560.100	10.712.000
2	Gói SN số 2	N93	2024	10,75	2.530.000	27.184.850	5.437.000
			2023	191,44	-	389.580.400	77.916.000
3	Gói SN số 3	M84	2023	24,89	2.035.000	50.651.150	10.130.000
4	Gói SN số 4	N84	2023	24,56	2.035.000	49.979.600	9.996.000
5	Gói SN số 5	N85	2023	24,47	2.035.000	49.796.450	9.959.000
6	Gói SN số 6	O87	2023	20,22	2.035.000	41.147.700	8.230.000
7	Gói SN số 7	O88	2023	27,43	2.035.000	55.820.050	11.164.000
8	Gói SN số 8	O89	2023	24,42	2.035.000	49.694.700	9.939.000
9	Gói SN số 9	O91	2023	22,47	2.035.000	45.726.450	9.145.000
10	Gói SN số 10	Q87	2023	16,60	2.035.000	33.781.000	6.756.000
11	Gói SN số 11	Q94	2023	6,38	2.035.000	12.983.300	2.597.000
TỔNG				635,50		1.352.990.100	270.597.000

(*) Gói trồng xen được chào bán theo từng gói, khách hàng có thể tham gia chào giá 01 (một), 02 (hai) hoặc nhiều gói trồng xen canh tại các Nông trường tùy theo nhu cầu và năng lực thực hiện.

Ghi chú:

- Mức giá khởi điểm nêu trên **đã bao gồm thuế VAT**, đã bao gồm chi phí đối tác xen canh thực hiện phương án hoàn trả dinh dưỡng, nâng cao độ phì cho đất.

- Người trồng xen (đối tác xen canh) chịu trách nhiệm toàn bộ 100% chi phí đầu tư vốn, tổ chức canh tác, thu hoạch và được hưởng toàn bộ sản phẩm từ cây trồng xen canh và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế có liên quan đến hoạt động trồng xen (nếu có).

- Diện tích chào giá được tính theo diện tích cao su nhưng khi thực hiện trồng xen thì người trồng xen (đối tác xen canh) phải trồng theo đúng mục 3 của Thông báo này (không phải là canh tác trên toàn bộ diện tích).

6. Thời gian, địa điểm bán/nhận hồ sơ và đăng ký tham gia: Giờ hành chính liên tục (**từ thứ Hai đến thứ Sáu**) từ ngày **21/06/2024 đến ngày 05/07/2024**, tại Phòng kế hoạch đầu tư – Công ty cổ phần cao su Tân Biên (Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh). Tiền mua hồ sơ: **50.000** đồng/hồ sơ.

8. Thời gian, địa điểm xem diện tích lô trồng xen: Giờ hành chính các ngày trong tuần. Địa điểm: tại các Nông trường cao su Xa Mát, Tân Hiệp, Bồ Túc và Suối Ngô.

8. Thời gian nộp phiếu chào giá: Theo biên bản bốc thăm khi mua hồ sơ.

9. Thời gian nhận tiền đặt trước: Hạn chót **17 giờ 00 phút** ngày **08/07/2024**.

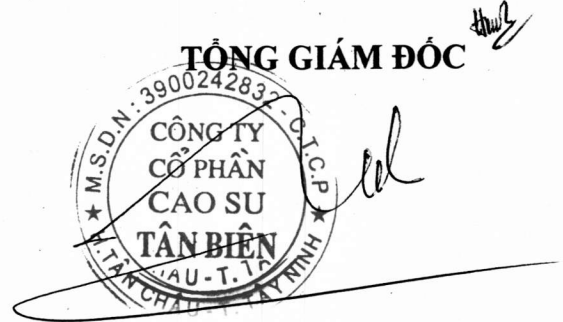
10. Hình thức chào giá: Bỏ phiếu gián tiếp 01 vòng, theo phương thức trả giá lên.

11. Thời gian, địa điểm mở phiếu chào giá: Lúc 9 giờ 30 phút, ngày 09/07/2024 (thứ Ba) tại Nhà văn hóa Công ty cổ phần cao su Tân Biên

- Mọi chi tiết xin liên hệ: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty Cổ phần cao su Tân Biên(Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Người liên hệ: Bà Văn Thị Thủy Tiên – Số điện thoại: 098 6754 353).

Nơi nhận:

- Khách hàng tham gia chào giá;
- 04 Nông trường;
- Phòng KHĐT, P. Kỹ thuật, P. TCKT;
- Lưu VT, KHĐT;



Trương Văn Cư